

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2020/HC-PT**

Ngày: 03 – 6 – 2020.

“V/v: Kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu
cầu bồi thường thiệt hại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh, ông Nguyễn Văn Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Linh Chi; Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Thái; chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 03/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLPT-HC ngày 06/02/2020 về việc: “*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 11/2019/HC-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà Nguyễn Phương T, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 87 X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Phạm Thị Bích C, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 69N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Chi Hạnh P, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 20T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Bà Nguyễn Chi Hạnh D, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 44T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Chi Hạnh P và bà Nguyễn Chi Hạnh D: Bà Phạm Thị Bích C (Có mặt)

Địa chỉ: Số 69N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3/ Ông Trần Tấn V, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 177N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện Bà Phạm Thị Bích C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của người khởi kiện và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 26/9/2018, bà Nguyễn Phương T được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 058377, thửa số 34, tờ bản đồ số 48, diện tích 1.030m² tọa lạc tại thôn 3, xã C, thành phố B. Mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm. Do trồng cây lâu năm không hiệu quả, nên bà T bổ sung thêm chăn nuôi gia súc, gia cầm. Ngày 06/11/2018, bà T xây dựng chuồng trại diện tích 64m², với mục đích sử dụng vào việc sản xuất nấm rơm và chăn nuôi nai.

Ngày 13/12/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C ban hành quyết định số 349/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai về việc “*Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất trồng rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp, diện tích đất chuyển mục đích sử dụng trái phép dưới 0.5 hecta*”, xử phạt bà T số tiền 1.500.000đồng và biện pháp khắc phục hậu quả “*Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm*”. Và thu giữ của bà Nguyễn Phương T một cối trộn bê tông.

Bà T cho rằng việc xây dựng chuồng trại nhằm mục đích chăn nuôi gia súc, gia cầm là sử dụng vào mục đích nông nghiệp chứ không phải chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hủy Quyết định số 349/QĐ-XPVPHC ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C.

Ngoài ra, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C ban hành quyết định số 349/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đồng nhưng không ghi hình phạt bổ sung là trả lại cối trộn bê tông mà vẫn tạm giữ cối trộn bê tông, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C không ban hành quyết định tạm giữ mà giữ tài sản cối trộn bê tông của bà T gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định. Cối trộn bê tông mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C đã thu giữ của bà T là do bà T thuê của ông Trần Tấn V với giá 155.000 đồng/ngày. Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C bồi thường cho bà T số tiền 155.000 đồng x 6 tháng (Tạm tính đến ngày 06/6/2019) = 27.900.000 đồng.

*** Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, thành phố B ông Nguyễn Mạnh H trình bày:**

Vào ngày 06/12/2018, ông Nguyễn Mạnh H đã chỉ đạo công chức địa chính xã kiểm tra việc sử dụng đất đai trên địa bàn xã và phát hiện vi phạm tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 48 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP058377 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/9/2018. Mục đích sử dụng đất là đất trồng cây lâu năm. Chủ sử dụng đất là bà Nguyễn Chi Hạnh P là người đại diện cho những người cùng sử dụng đất gồm: Bà Nguyễn Phương T, bà Nguyễn Chi Hạnh D.

Qua kiểm tra thực tế tại thửa đất trên đã xây dựng công trình trên đất nông nghiệp có quy mô như sau: Một công trình diện tích xây dựng 64m², móng bằng đá học, tường gạch thẻ chưa tô, cao 3,5m đã gắn vì kèo sắt, chưa lợp mái.

Ủy ban nhân dân xã đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính số 27 ngày 06 tháng 12 năm 2018 về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và tạm giữ tang vật 01 cối trộn bê tông. Vào ngày 07/12/2018 bà Nguyễn Phương T đã có đơn khiếu nại biên bản vi phạm hành chính số 27 ngày 06/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C. Ngày 13 tháng 12 năm 2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C tiếp tục ban hành Quyết định số 349/QĐ- XPHC. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 102/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai xử phạt bà Nguyễn Phương T với mức phạt là 1.500.000đồng và yêu cầu khôi phục lại nguyên trạng ban đầu. Sau khi có biên bản vi phạm và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì bà T chưa chấp hành việc thực hiện theo quyết định xử phạt.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định số 349/QĐ- XPHC ngày 13/12/2018 quan điểm của Ủy ban nhân dân xã C như sau: Đối với quyết định số 349/QĐ- XPHC ngày 13/12/2018 đã được ban hành đúng theo quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án giữ nguyên giá trị pháp lý.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Chi Hạnh P, bà Nguyễn Chi Hạnh D, Bà Phạm Thị Bích C trình bày:

Bà Chi, bà P và bà T là ba chị em ruột. Năm 2017, ba chị em có mua chung 01 lô đất thửa số 34, tờ bản đồ số 48 diện tích 1.030m², tọa lạc tại thôn 3, xã C, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Mục đích sử dụng trồng cây lâu năm, đất đã được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 058377 ngày 26/9/2018. Vì điều kiện kinh tế khó khăn nên bà D, bà P đồng ý cho bà T sử dụng lô đất trên để bà T chăn nuôi gia súc, gia cầm. Tuy là cùng đồng sở hữu lô đất nhưng bà D, bà P không liên quan đến việc xây dựng chuồng trại và chăn nuôi của bà T.

Bà D và bà P đồng ý với ý kiến của bà T là yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hủy Quyết định số 349/QĐ-XPVPHC ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C.

- Ông Trần Tấn V trình bày:

Vào ngày 20/10/2018, bà Nguyễn Phương T có thuê của ông 01 cối trộn bê tông để làm vườn tại thôn 2, xã C, thành phố B với giá 155.000đồng/ngày, ông V đã giao cối cho bà T vào ngày 20/10/2018 cho đến hôm nay. Hiện bà T vẫn chưa trả cối trộn bê tông và tiền thuê cối cho ông V. Nay kính mong Tòa án giải quyết sớm vụ việc.

Tại bản án sơ thẩm số 11/2019/HC-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 10, khoản 3 Điều 12, điểm d khoản 1 Điều 57 Luật đất đai; khoản 1 Điều 38, Điều 58, Điều 66; điểm c khoản 1, khoản 3, khoản 6 Điều 125, khoản 2 Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính; điểm b khoản 1 Điều 4, điểm a khoản 2 Điều 8, điểm b, d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 10/11/2014; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Phương T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định số 349/QĐ- XPHC ngày 13/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C và yêu cầu bồi thường thiệt hại do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C tạm giữ tang vật là cối trộn bê tông với số tiền 27.900.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 03/12/2019, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện Bà Phạm Thị Bích C kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 11/2019/HC-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tổ tụng hành chính.

Về nội dung: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 349/QĐ-XPVPHC ngày 13/12/2018 của Chủ tịch UBND xã C xác định bà Nguyễn Phương T đã vi phạm chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp là không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật đất đai. Tại khoản 1 Điều 57 Luật đất đai không quy định trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm sang đất nông nghiệp khác phải được phép của cơ quan có thẩm quyền. Hơn nữa, Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa xác minh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 48, diện tích 1.030m² của bà T tại thôn 3, xã C đã được quy hoạch phát triển đô thị và quy hoạch chi tiết xây dựng hay chưa. Việc Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, buộc UBND xã C trả lại 01 cối trộn bê tông và phải bồi thường số tiền 27.900.000 đồng thiệt hại nhưng cấp sơ thẩm không xem xét xử lý

mà nhận định bà T chưa thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên việc tạm giữ tang vật (Cối trộn bê tông) là đúng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính là không có căn cứ. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ tại sao UBND xã C sau khi nhận đơn xin làm chuồng nuôi nai của ông Nguyễn Quang H ngày 15/10/2018 lại không xem xét giải quyết (đơn do UBND xã C giao nộp cho Tòa án), không đưa ông H vào tham gia tố tụng trong vụ án là vi phạm khoản 3 Điều 38, Điều 58 Luật tố tụng hành chính. Xét thấy, cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ tài liệu, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Nên đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính chấp nhận một phần đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2019/HC-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Người khởi kiện bà Nguyễn Phương T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 349/QĐ-XPVPHC ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C và yêu cầu bồi thường thiệt hại do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C tạm giữ tang vật là cối trộn bê tông với số tiền 27.900.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 31 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về nội dung: Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, HĐXX xét thấy:

[3.1] Về nguồn gốc đất: đất đã được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 058377 ngày 26-9-2018, thửa số 34; tờ bản đồ số 48; diện tích 1.030m², tọa lạc tại thôn 3, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Mục đích sử dụng đất là trồng cây lâu năm. Chủ sử dụng đất là bà Nguyễn Chi Hạnh P là người đại diện cho những người cùng sử dụng đất gồm: Bà Nguyễn Phương T, bà Nguyễn Chi Hạnh D.

Ngày 06/11/2018, bà Nguyễn Phương T xây dựng chuồng trại trên đất với tổng diện tích xây dựng là 64m².

Ngày 15/10/2018, ông Nguyễn Quang H có đơn xin xây dựng chuồng trại gửi đến Ủy ban nhân dân xã C nhưng chưa được xem xét giải quyết (Tài liệu do UBND huyện Cư Êbur cung cấp cho Tòa án bút lục số 74)

Ngày 06/12/2018, Ủy ban nhân dân xã C đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính số 27 đối với bà T về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và tạm giữ tang vật 01 cối trộn bê tông.

Ngày 13 tháng 12 năm 2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C tiếp tục ban hành Quyết định số 349/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 102/NĐ-CP xử phạt bà T với mức phạt là 1.500.000 đồng và yêu cầu bà T khôi phục lại nguyên trạng ban đầu. Sau khi có biên bản vi phạm và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì bà T chưa chấp hành việc thực hiện theo quyết định xử phạt.

Như vậy, trước khi ban hành Quyết định số 349/QĐ-XPVPHC ngày 13/12/2018, thì ngày 06/12/2018 Chủ tịch UBND xã C đã lập biên bản vi phạm hành chính số 27 đối với bà Nguyễn Phương T và tạm giữ tang vật 01 cối trộn bê tông. Biên bản này là cơ sở để ban hành Quyết định số 349/QĐ-XPVPHC. Xét biên bản vi phạm hành chính được ban hành đúng thẩm quyền, thể thức văn bản đúng quy định tại khoản 1 Điều 38; Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính. Nội dung biên bản đã xác định đúng diễn biến và hiện trạng xây dựng trên đất, bà T có mặt nhưng không đồng ý với nội dung xử phạt hành chính nên không ký vào biên bản. Theo biên bản xử phạt vi phạm hành chính thể hiện bà T đã xây dựng công trình trên đất có diện tích 64m², móng bằng đá hộc, nền lát gạch bát trắng, tường xây gạch thẻ chưa tô, cao 3,5m đã gắn vì kèo sắt, chưa lợp mái. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 058377 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/9/2018, cấp cho bà Nguyễn Chi Hạnh P, Nguyễn Chi Hạnh D, Nguyễn Phương T thì mục đích sử dụng đất là trồng cây lâu năm. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật đất đai xác định đất trồng cây lâu năm và đất xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm đều được coi là đất nông nghiệp nhưng thuộc hai phân nhóm khác nhau. Như vậy, việc bà T tự ý xây dựng công trình kiên cố trên đất nông nghiệp là hành vi sử dụng đất không đúng mục đích sử dụng đất vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 12, Điều 57 Luật đất đai năm 2013. Là hành vi vi phạm hành chính chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 10/11/2014 Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do bà T không làm thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng đất, không sử dụng đất đúng mục đích đã được Nhà nước giao, ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không thực hiện theo biên bản vi phạm hành chính số 27 ngày 06/12/2018 nên Chủ tịch UBND xã C căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai để ban hành Quyết định số 349/QĐ-XPVPHC ngày 13/12/2018 là đúng quy định.

[3.2] Đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại với số tiền 27.900.000 đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C đã tạm giữ tang vật là cối trộn bê tông. Xét thấy: Như đã phân tích trên, việc ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 349/QĐ-XPVPHC ngày 13 tháng 12 năm 2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C là có

căn cứ pháp lý, xử lý đúng người, đúng hành vi vi phạm. Do đó, không có căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C. Mặt khác, do bà T chưa thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên việc tạm giữ tang vật 01 cối trộn bê tông là đảm bảo đúng pháp luật theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Từ những phân tích nhận định trên, HĐXX xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Phương T và yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện Bà Phạm Thị Bích C; Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Bà Phạm Thị Bích C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349; khoản 1 Điều 358 Luật tổ tụng hành chính;

Bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện Bà Phạm Thị Bích C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2019/HC-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 10, khoản 3 Điều 12, điểm d khoản 1 Điều 57 Luật đất đai; khoản 1 Điều 38, Điều 58, Điều 66, điểm c khoản 1, khoản 3, khoản 6 Điều 125, khoản 2 Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính; điểm b khoản 1 Điều 4, điểm a khoản 2 Điều 8, điểm b, d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Phương T yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định số 349/QĐ- XPHC ngày 13/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C và yêu cầu bồi thường thiệt hại do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C tạm giữ tang vật là cối trộn bê tông với số tiền 27.900.000đồng.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.1] Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Phương T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số 0011643 ngày 03/7/2019 và phải chịu 1.395.000 (Một triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn) đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm có giá ngạch.

[3.2] Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Phương T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm

ứng (do Bà Phạm Thị Bích C nộp thay) theo biên lai thu số AA/2019/0005495 ngày 17/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

[3.3] Về chi phí thẩm định: Bà Nguyễn Phương T phải chịu 1.000.000 (Một triệu) đồng tiền chi phí thẩm định, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí thẩm định đã nộp tại Tòa án nhân thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu số 78 ngày 22/5/2019 và đã chi phí xong.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS tp. B;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Duy Tuấn